

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29A/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Đinh Công Mỹ

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2017/QĐXX - ST ngày 08/9/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 96/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2017 giữa:

* Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có vắng)

* Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/7/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 27 tháng 3 năm 2007, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh T về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho gia đình nên chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 5/2017, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con

chung tên là: Nguyễn Tùng B, sinh ngày 11/12/2007. Hiện chị đang nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn ý kiến của chị là tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 10/2017, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2017 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị H về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là không tin tưởng nhau, vợ chồng có xảy ra cãi nhau nhỏ. Tháng 5/2017, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được một con chung là: Nguyễn Tùng B, sinh ngày 11/12/2007. Hiện chị H đang nuôi con. Anh không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Con chung: giao cho chị H nuôi con, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đ/ tháng kể từ tháng 9/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Tùng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 27/3/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống với anh T ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tháng 5/2017, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh T. Anh T có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị H. Tại biên bản xác minh của Tòa án thì chính quyền địa phương cũng như gia đình của anh T đều xác định vợ chồng chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, cuộc sống chung của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: vợ chồng chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Tùng B, sinh ngày 11/12/2007 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Ý kiến của chị H là có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu B hiện đang do chị H nuôi dưỡng, cháu phát triển tốt kể cả về thể chất và tinh thần. Mặt khác, chị H đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, cháu B đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con khi giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cho chị H nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000đồng/tháng kể tháng 10/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, hiện anh T làm thợ sơn có thu nhập hàng tháng từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, nên chị H có yêu cầu mức cấp dưỡng 500.000đồng/tháng là phù hợp, cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Tùng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H nuôi con Nguyễn Tùng B, sinh ngày 11/12/2007. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ tháng 10/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án nếu anh T không nộp đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm nộp, cho đến khi nộp xong.

3. Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003819 ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy